

Số: /2026/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng 5 năm 2026

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với dịch vụ tuyển sinh trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 66/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Căn cứ Nghị quyết số 66/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 77/2022/NQ-HĐND;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số /TTr-SGDĐT ngày tháng năm 2026; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số /BC-STP ngày tháng năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với dịch vụ tuyển sinh trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với dịch vụ tuyển sinh trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Học sinh phổ thông tuyển sinh vào trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học;

b) Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học thuộc loại hình công lập;

c) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Mức thu đối với dịch vụ tuyển sinh

| TT | Lớp và phương thức tuyển sinh | Đơn vị tính | Mức thu tối đa |
|-----------|--------------------------------------|-------------------------|-----------------------|
| 1 | Lớp 6 | | |
| | Xét tuyển | Nghìn đồng/học sinh | 50 |
| 2 | Lớp 10 không chuyên | | |
| | - Xét tuyển | Nghìn đồng/học sinh | 60 |
| | - Thi tuyển | Nghìn đồng/học sinh | 300 |
| 3 | Lớp 10 chuyên | | |
| | - Thi tuyển 3 môn chung | Nghìn đồng/học sinh | 300 |
| | - Thi tuyển môn chuyên | Nghìn đồng/môn/học sinh | 400 |
| 4 | Phúc khảo bài thi | | |
| | - Môn không chuyên | Nghìn đồng/môn/học sinh | 90 |
| | - Môn chuyên | Nghìn đồng/môn/học sinh | 170 |

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Mức thu dịch vụ tuyển sinh là khoản kinh phí mà người dự tuyển phải nộp khi tham gia xét tuyển, thi tuyển được xác định theo nguyên tắc lộ trình tính đúng, tính đủ.

2. Không thu dịch vụ tuyển sinh đối với học sinh thuộc đối tượng tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú, nguồn kinh phí thực hiện dịch vụ tuyển sinh sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Mức chi quy định tại Quyết định này được tính cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức các nhiệm vụ quy định tại Điều 1 Quyết định này. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất.

4. Đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 90/2018/TT-BTC; Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

5. Quản lý, sử dụng, quyết toán khoản thu dịch vụ tuyển sinh quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ kế toán, chế độ tài chính, các văn bản pháp luật khác có liên quan.

6. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 4. Nội dung chi dịch vụ tuyển sinh

1. Nội dung chi theo phương thức xét tuyển

a) Chi tiền công cho các chức danh là thành viên hội đồng tuyển sinh, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên, Thư ký;

b) Chi tiền công tác phí, hội nghị, tập huấn;

c) Chi vật tư, văn phòng phẩm, điện, nước uống, nước sinh hoạt phục vụ công tác tuyển sinh;

2. Nội dung chi theo phương thức thi tuyển

a) Chi thuê địa điểm làm việc cho Hội đồng ra đề thi, Hội đồng in sao đề thi (nếu có);

b) Chi thuê địa điểm thi, địa điểm chấm thi (nếu có);

c) Chi mua, thuê, vận chuyển, lắp đặt, gia công, kiểm tra các dụng cụ, hóa chất, nguyên vật liệu, trang thiết bị, mẫu vật thực hành, vật tư, văn phòng phẩm phục vụ ra đề thi, in sao đề thi, tổ chức thi, chấm thi, tập huấn; chi in ấn các tài liệu, giấy chứng nhận, thẻ phục vụ công tác tổ chức thi, chấm thi;

d) Các khoản chi phục vụ hoạt động của các Hội đồng ra đề thi, Hội đồng in sao đề thi (nếu có);

đ) Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị; chi đi công tác để thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi; chi tiền ở, đi lại trong nước của những người tham gia công tác tổ chức thi và chấm thi (nếu có): Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 70/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 156/2025/NQ-HĐND;

e) Chi tiền công cho các chức danh là thành viên của Hội đồng/Ban ra đề thi (Chủ tịch/Trưởng ban, Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban, Ủy viên, Thư ký, bảo vệ vòng trong 24h/24h; Ủy viên, Thư ký, bảo vệ vòng ngoài); Hội đồng/Ban in sao đề thi (Chủ tịch/Trưởng ban, Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban, Ủy viên, thư ký làm việc cách ly; nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly; nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài); Trưởng ban vận chuyển đề thi và thành viên bộ phận vận chuyển đề thi; Ban chỉ đạo thi (Trưởng ban, Phó Trưởng ban thường trực, Phó Trưởng ban, Ủy viên, Thư ký, nhân viên phục vụ); Hội đồng thi (Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên thường trực, Ủy viên); Ban Thư ký của Hội đồng thi (Trưởng ban; Phó Trưởng ban; Ủy viên); Hội đồng/Ban coi thi (Chủ tịch/Trưởng ban; Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban thường trực; Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban; Trưởng Điểm thi, Phó Trưởng điểm thi; Ủy viên, thư ký, cán bộ coi thi, cán bộ giám sát; công an bảo vệ đề thi, bài thi; công an, bảo vệ vòng ngoài, nhân viên phục vụ, y tế); Ban/Tổ làm phách (Trưởng ban/Tổ trưởng, Phó Trưởng ban/Tổ phó, Ủy viên, thư ký, nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly; nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài; nhân viên y tế); Hội đồng/Ban chấm thi tự luận, Hội đồng/Ban phúc khảo tự luận, Hội đồng/Ban chấm thẩm định bài thi (Chủ tịch/Trưởng ban; Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban thường trực; Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban; Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên; công an bảo vệ bài thi; công an, bảo vệ vòng ngoài; nhân viên phục vụ, y tế); Hội đồng/Ban chấm thi trắc nghiệm, Hội đồng/Ban phúc khảo bài thi trắc nghiệm (Trưởng ban, Phó Trưởng ban; Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên; công an bảo vệ bài thi; công an, bảo vệ vòng ngoài; nhân viên phục vụ, y tế); Đoàn/Tổ thanh tra/kiểm tra/giám sát/trực thanh tra (Trưởng đoàn/Tổ trưởng thanh tra/kiểm tra/giám sát/trực thanh tra, Phó Trưởng đoàn/Tổ phó thanh tra/kiểm tra/giám sát/trực thanh tra, thư ký Đoàn/Tổ thanh tra/kiểm tra/giám sát/trực thanh tra, thanh tra viên độc lập, thành viên Đoàn/Tổ thanh tra/kiểm tra/giám sát/trực thanh tra);

f) Tiền công ra đề thi, xây dựng ngân hàng câu hỏi thi; tiền công chấm bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành; tiền công chấm thi, chấm phúc khảo bài thi trắc nghiệm; tiền công chấm phúc khảo bài thi tự luận, chấm thẩm định bài thi tự luận; tiền công cho tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi.

Điều 5. Mức chi dịch vụ tuyển sinh

1. Mức chi theo phương thức xét tuyển

a) Tiền công cho các chức danh là thành viên hội đồng tuyển sinh vào lớp 6 trung học cơ sở tối đa bằng 65% mức chi của Hội đồng thi, Thư ký Hội đồng

thi quy định tại Nghị quyết số 66/2022/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 77/2022/NQ-HĐND; chức danh là thành viên hội đồng tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông tối đa bằng 80% mức chi của Hội đồng thi, Thư ký Hội đồng thi quy định tại Nghị quyết số 66/2022/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 77/2022/NQ-HĐND;

b) Các nội dung chi khác quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định này thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 66/2022/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 77/2022/NQ-HĐND, Nghị quyết số 70/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 156/2025/NQ-HĐND.

2. Mức chi theo phương thức thi tuyển

Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 66/2022/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 77/2022/NQ-HĐND, Nghị quyết số 70/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 156/2025/NQ-HĐND.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Quyết định này.

2. Sở Tài chính, các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý có trách nhiệm phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc thực hiện các quy định tại Quyết định này.

3. Hiệu trưởng các trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học căn cứ nội dung, mức chi dịch vụ tuyển sinh quy định tại Quyết định này, điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương và từng cơ sở giáo dục để quyết định mức thu cụ thể áp dụng tại trường do mình quản lý.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Hiệu trưởng các trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ GDĐT (b/cáo);
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBND cấp xã;
- Các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công TTĐT;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

- Lưu: ...

Nguyễn Thị Nguyệt